

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 345/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15-9-2020

V/v “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Nhựt Thảo

+ Ông Phan Văn Dân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 312/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 09 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Thanh D (Sang), sinh năm: 1971

Nơi cư trú: Tổ 3, ấp Kiến Hưng 1, xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Lê Ngọc Đ, sinh năm: 1976

Nơi cư trú: Tổ 16, ấp Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 31/8/2020 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Phan Thanh D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Giữa ông và bà Đ tự tìm hiểu nhau rồi tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới vào năm 1993. Từ năm 1993 cho đến nay ông và bà Đ không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống vợ chồng sau khi cưới có hạnh phúc được 10 năm thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không tôn trọng và không tin tưởng nhau. Giữa ông và bà Đ ly thân nhau từ năm 2008 cho đến nay. Trong khoảng thời gian này cả hai không ai có thiện chí hàn gắn

tình cảm vợ chồng, nay ông không còn tình cảm với bà Đ. Ông yêu cầu ly hôn với bà Đ.

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung Phan Thanh Tr, sinh năm 1994 và cháu Phan Lê Kiều O, sinh năm 1996. Hiện các con đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Bị đơn bà Lê Ngọc Đ trình bày tại bản tự khai ngày 31/8/2020:**

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với lời trình bày của ông D về hôn nhân và điều kiện kết hôn; Giữa bà và ông Đ chung sống với nhau từ năm 1993 cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng ly thân nhau từ năm 2008 cho đến nay, trước yêu cầu ly hôn của ông D, bà đồng ý ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung Phan Thanh Tr, sinh năm 1994 và cháu Phan Lê Kiều O, sinh năm 1996. Hiện các con đã trưởng thành, có khả năng lao động, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn: Vẫn giữ yêu cầu khởi kiện

- Bị đơn: Không ý kiến và không yêu cầu phản tố

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Ông Phan Thanh D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về “Ly hôn”; Tuy nhiên, giữa ông và bà Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật; Do đó, yêu cầu “Ly hôn” của nguyên đơn là không đúng theo quy định pháp luật. Đối với yêu cầu này hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp hôn nhân giữa ông D và bà Đ “Tranh chấp khác về hôn nhân và gia đình” được quy định tại khoản 8 Điều 28 BLTTDS 2015.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bà Lê Ngọc Đ có nơi cư trú tại tổ 16, ấp Vĩnh Phúc, xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Căn cứ xác nhận tình trạng hôn nhân giữa ông D và bà Đ tại UBND xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang và văn bản phúc đáp ngày 31/8/2020 của UBND xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, An Giang đều xác nhận

ông D, bà Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 cho đến nay vẫn không tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét mâu thuẫn trong hôn nhân, căn cứ khoản 1 Điều 11, Điều 87 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 cũng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận ông D, bà Đ là vợ chồng.

2.2 Về con chung: Các con đã trưởng thành và có khả năng lao động, HĐXX không xem xét

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Ông D, bà Đ không yêu cầu, HĐXX không xem xét

[3] Về án phí sơ thẩm:

Ông D là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Ông D, bà Đ được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Khoản 1 Điều 11; Điều 87 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 14; Khoản 2 Điều 53; Khoản 1 Điều 131 Luật nhân gia đình năm 2014

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Thanh D

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Phan Thanh D và bà Lê Ngọc Đ là vợ chồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ được giải quyết vụ án dân sự khác

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Phan Thanh D phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0007142 ngày 01/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Quyền kháng cáo: Ông Phan Thanh D và bà Lê Ngọc Đ quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tuyên án (15/9/2020).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thùy Trang